

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH
Bản án số: 30/2026/DS-PT
Ngày: 25-5-2026
“V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Lê Thu
- *Thẩm phán:* Ông Hoàng Ngọc Tùng, Bà Trần Thị Thu Hiền
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2025/TLPT - DS ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2026/QĐXX-PT ngày 27 tháng 02 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm và ấn định thời gian mở lại số 22/2026/QĐ-PT ngày 13/02/2026, thông báo về việc mở lại phiên tòa dân sự phúc thẩm số 10/2026/TP-TA ngày 14/5/2026 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà: [Nguyễn Thị Thanh V](#), sinh năm: 1959; Nơi thường trú và chỗ ở: [TDP T, phường V, tỉnh Hà Tĩnh](#). (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Ông [Hồ Thế P](#); Sinh năm 1987; Địa chỉ: [Thôn T, xã K, tỉnh Hà Tĩnh](#). (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà [Trần Thị Phương N](#) – Luật sư thuộc [Công ty L1 – Đoàn luật sư tỉnh H](#). (Có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông [Nguyễn Văn T](#), sinh năm: 1959, Nơi cư trú: [Tổ dân phố B, phường V, tỉnh Hà Tĩnh](#). (Có Mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: ông [Trần Ngọc B](#), sinh năm 2002; địa chỉ : [Số B N, tổ dân phố H, phường S, tỉnh Hà Tĩnh](#). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ông [Mai Xuân Đ](#) – Luật sư thuộc [công ty luật Pháp viện - Đoàn luật sư tỉnh H](#). (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà [Nguyễn Thị H](#), sinh năm: 1969; Địa chỉ: [Tổ dân phố B, phường V, tỉnh Hà Tĩnh](#)(Vắng mặt)

2. Bà [Nguyễn Thị H1](#), sinh năm: 1973; Địa chỉ: [Tổ dân phố B, phường V, tỉnh Hà Tĩnh](#)(Vắng mặt)

3. Bà [Nguyễn Thị H2](#), sinh năm 1964; Địa chỉ: [Tổ dân phố B, phường V, tỉnh Hà Tĩnh](#). (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền cho bà [Nguyễn Thị H](#), [Nguyễn Thị H1](#): Ông: [Hò Thê P](#); Sinh năm 1987; Địa chỉ: [Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh \(nay là xã K, tỉnh Hà Tĩnh\)](#) (Có mặt)

4. Bà [Nguyễn Thị N1](#) (Con gái ông [D](#)), sinh năm: 1988; Địa chỉ: [Tổ dân phố B, phường V, tỉnh Hà Tĩnh](#), (Vắng mặt)

5. Bà [Nguyễn Thị N2](#) (Con gái ông [D](#)), sinh năm: 1991; Địa chỉ: [Tổ dân phố B, phường V, tỉnh Hà Tĩnh](#), (Vắng mặt)

6. Bà [Nguyễn Thị T1](#) (Con gái ông [D](#)), sinh năm: 1994; Địa chỉ: [Tổ dân phố B, phường V, tỉnh Hà Tĩnh](#)(Vắng mặt)

- Người làm chứng: Ông [Nguyễn Văn H3](#), sinh năm 1984 và bà [Lê Thị P1](#), sinh năm 1984; Cùng trú tại: [Tổ dân phố H, phường V, tỉnh H](#).(Có mặt)

- Người tham gia tố tụng khác: Bà [Mai Thị S](#), sinh năm: 1966; Địa chỉ: [Tổ dân phố B, phường V, tỉnh Hà Tĩnh](#) (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/04/2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cha của nguyên đơn là ông [Nguyễn Trọng H4](#) (chết năm 2004) và mẹ là bà [Võ Thị L](#) (chết năm 2022) là vợ chồng; Quá trình chung sống có 06 người con chung gồm bà [Nguyễn Thị Thanh V](#), [Nguyễn Thị H](#), [Nguyễn Thị H2](#), [Nguyễn Thị H1](#), [Nguyễn Văn T](#) và ông [Nguyễn Trọng D](#) (chết năm 2021, có vợ [Mai Thị S](#) và 03 người con [Nguyễn Thị N1](#), [Nguyễn Thị N2](#), [Nguyễn Thị T1](#)) không có con riêng và cũng không nhận ai làm con nuôi. Trước khi chết ông [H4](#) và bà [L](#) đều không để lại di chúc. Lúc còn sống hai ông bà có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 43, địa chỉ tại [tổ dân phố B, phường K, thị xã K](#) theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CH00644 do UBND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 04/5/2017, mang tên bà [Võ Thị L](#).

Năm 2021, các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông [Nguyễn Trọng H4](#) họp gia đình thống nhất để bà [Võ Thị L](#) thực hiện thủ tục nhượng lại

một phần thửa đất nêu trên cho vợ chồng ông [Nguyễn Trọng H5](#) và bà [Lê Thị P1](#) (cùng trú tại [phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh](#)). Thửa đất sau khi được tách để chuyển nhượng có thông tin cụ thể là thửa số 155, tờ bản đồ số 43, địa chỉ [tổ dân phố B, phường K, thị xã K](#) với diện tích 1076,4m². Giá thực tế chuyển nhượng là 1.612.000.000 đồng. Sau khi bà [Võ Thị L](#) chuyển nhượng thửa đất trên thì các đồng thừa kế thỏa thuận đồng ý để ông [Nguyễn Văn T](#) là con trai đầu của ông [Nguyễn Trọng H4](#) và bà [Võ Thị L](#) thay mặt nhận số tiền chuyển nhượng đất 1.612.000.000 đồng, sau đó sẽ chia cho các đồng thừa kế. Tuy nhiên, từ khi bà [L](#) chết đến nay ông [T](#) vẫn giữ số tiền trên và không chịu phân chia cho các đồng thừa kế của ông [H4](#) và bà [L](#) như đã thỏa thuận tại biên bản họp gia đình.

Để giải quyết yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông [Nguyễn Trọng H4](#) và bà [Võ Thị L](#), các đồng thừa kế đã yêu cầu [UBND phường K](#) tổ chức hòa giải hai lần vào ngày 12/12/2024 và ngày 16/01/2025. Tại các buổi hòa giải ông [Nguyễn Văn T](#) thừa nhận số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất hiện ông đang cất giữ. Ngày 26/02/2025, [UBND phường K](#) đã có thông báo số 204/TB-UBND thông báo kết quả giải quyết đơn thư kiến nghị của công dân hướng dẫn các bên trong trường hợp không thống nhất được thì làm đơn gửi lên Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh để được giải quyết theo quy định. Do đó, bà [Nguyễn Thị Thanh V](#) khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết: Phân chia di sản thừa kế đối với số tiền 1.612.000.000 đồng là di sản thừa kế của ông [Nguyễn Trọng H4](#) và bà [Võ Thị L](#) để lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ [L](#) để lại là số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ, hai trăm triệu đồng) theo quy định của pháp luật sau khi đã trừ đi các chi phí mà bị đơn ông [Nguyễn Văn T](#) đã kê khai.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn ông [Nguyễn Văn T](#) trình bày:

Ông [Nguyễn Văn T](#) không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phân chia thừa kế đối với số tiền 1.612.000.000đồng là di sản thừa kế của cha mẹ là ông [Nguyễn Trọng H4](#) và bà [Võ Thị L](#) để lại cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Năm 2004, cha bị đơn là ông [Nguyễn Trọng H4](#) mất, mẹ bị đơn là bà [Võ Thị L](#) tiếp tục sinh sống tại nhà đất của ông bà tại [tổ dân phố B, phường K, thị xã K \(N là phường V, tỉnh Hà Tĩnh\)](#). Những năm trước lúc mất sức khỏe bà [L](#) yếu, bệnh tật nên cần phải có người chăm sóc. Trong khi các anh, chị em bị đơn đều có nhà riêng và việc chăm sóc mẹ(bà [L](#)) gần như là do bị đơn đảm nhận. Năm 2021, mẹ bị đơn(bà [L](#)) nói với bị đơn là muốn bán đất để lấy tiền chi tiêu và chuyển về ở tại nhà bị đơn. Sau đó, mẹ bị đơn (bà [L](#)) gọi các con lại họp và đồng ý bán nhà đất để có tiền lo cho bà [L](#) và để bà chuyển về nhà bị đơn ở.

Mẹ bị đơn (bà [L](#)) cùng với chị em bị đơn tách thửa chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông [Nguyễn Văn H3](#) và bà [Lê Thị P1](#) với giá 1.612.000.000đồng, nhưng trong phần diện tích bán đất cho ông [H3](#), bà [P1](#) có đất

của bị đơn đã được bố mẹ bị đơn cho trước đó gộp vào bán cùng nên số tiền bán đất của mẹ bị đơn (bà [L](#)) cùng với các đồng thừa kế là 1.400.000.000đồng.

Sau khi nhận tiền bán đất thì bà [L](#) nói với bị đơn bà giao lại tiền cho bị đơn để bị đơn lo cho bà, do bị đơn toàn quyền quyết định. Khi đó chị em bị đơn không ai có ý kiến gì về việc bà [L](#) giao tiền cho bị đơn mà chỉ yêu cầu khi bà [L](#) về nhà bị đơn ở thì bị đơn phải làm nhà riêng cho bà [L](#) ở trong khuôn viên vườn nhà bị đơn. Bị đơn đã lấy tiền bà [L](#) đưa rồi xây nhà ở cho bà [L](#), làm nhà vệ sinh, khoan giếng và mua sắm thiết bị trong nhà, mua sắm quần áo, đồ dùng sinh hoạt hàng ngày cho bà [L](#). Từ khi bán đất thì toàn bộ tiền ăn uống, sinh hoạt, thuốc men, bồi bổ sức khỏe cho bà [L](#), bị đơn đều lấy tiền bán đất của bà [L](#) để trang trải chi trả cho đến khi bà [L](#) mất vào ngày 22/10/2022 thời gian là 12 tháng. Do bà [L](#) giao lại tiền cho bị đơn quyết định nên bị đơn không ghi chi tiết cụ thể mà khi cần chi tiêu cho bà [L](#) thì bị đơn cứ lấy tiền đó để chi trả. Đồng thời khi bà [L](#) còn sống có dặn bị đơn là khi bà mất thì cứ giữ lại để làm công tang khó, lo chuyện ma chay, xây mồ mả và lo làm lễ 50 ngày, 100 ngày, 01 bội và hết khó cho bà cũng như lo giỗ chạp sau này. Từ khi bà [L](#) bán đất cho đến khi bà già yếu thì gần như một mình bị đơn đứng ra chăm sóc, phụng dưỡng cho bà còn các chị em của bị đơn không đóng góp gì.

Bị đơn cho rằng việc khởi kiện của nguyên đơn là không đúng, gây chia rẽ tình cảm trong gia đình. Khi bà [L](#) còn sống đã dặn đi dặn lại bị đơn là tiền để bị đơn toàn quyền quyết định, tiền của bà [L](#) để lại lo công việc cho bà, nên sau này còn lại được bao nhiêu thì tùy bị đơn chia cho chị em bao nhiêu là ở bị đơn. Khi công việc của bà [L](#) chưa xong thì số tiền còn lại là 600.000.000đồng và bị đơn để đó lo công việc cho xong và lo giỗ chạp sau này thì các chị em gái bị đơn kiện bị đơn lên [UBND phường K](#) để yêu cầu chia tiền thừa kế là 1.600.000.000đồng làm cho bị đơn rất buồn bực và bức xúc, bị đơn không đồng ý.

Bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án xác định đúng di sản thừa kế của cha mẹ để lại và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan [Nguyễn Thị H](#), [Nguyễn Thị H2](#), [Nguyễn Thị H1](#) và [Nguyễn Thị N1](#), [Nguyễn Thị N2](#), [Nguyễn Thị T1](#) đều trình bày thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà [Nguyễn Thị Thanh V](#) yêu cầu Tòa án giải quyết: Phân chia thừa kế đối với số tiền 1.612.000.000đồng là di sản thừa kế của ông [Nguyễn Trọng H4](#) và bà [Võ Thị L](#) để lại theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng thống nhất với thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thống nhất yêu cầu chia di sản thừa kế là số tiền 1.200.000.000đồng sau khi đã trừ các khoản mà ông [Nguyễn Văn T](#) đã kê khai.*

- *Biên bản xác minh và lời trình bày của người làm chứng ông [Nguyễn Văn H3](#) : Ngày 23/9/2021 vợ chồng ông là [Nguyễn Văn H3](#) và [Lê Thị P1](#) trú tại [TDP H, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh \(nay là TDP H, phường V, tỉnh Hà Tĩnh\)](#), có*

nhận chuyển nhượng một phần thửa đất số 25, tờ bản đồ số 43, địa chỉ thửa đất tại: [Tổ dân phố B, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh](#), có diện tích: 1076,4m² (trong đó đất ở 150m², đất trồng cây lâu năm 926,4m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CG252761, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất: CH000644 do [UBND thị xã K](#), tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 04/5/2017 mang tên bà [Võ Thị L](#) với số tiền nhận chuyển nhượng thực tế là 1.612.000.000đồng, ông [Nguyễn Văn T](#) là con trai của bà [Võ Thị L](#) là người trực tiếp nhận tiền tại [ngân hàng N3 chi nhánh V1](#) để thuận tiện cho việc ông [T](#) gửi tiết kiệm

- *Biên bản tiếp công dân định kỳ tuần 2, tháng 12 năm 2024 của [UBND xã K, thị xã K](#) có chữ ký của ông [Nguyễn Văn T](#) và các thành phần liên quan phản ánh:* Ông [Nguyễn Văn T](#) có thừa nhận vào năm 2021, các anh em bán đất để nuôi dưỡng mẹ, quá trình nuôi mẹ và làm công ông [T](#) làm cả, còn lại không ai nuôi, không ai góp. Còn 1.612.000.000đồng, ông [T](#) cầm gửi ngân hàng nên chờ đến hạn gửi ngân hàng để ông [T](#) rút về, nay ông [T](#) cho mỗi đứa 50 triệu.

Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của TAND khu vực 2, tỉnh Hà Tĩnh đã căn cứ: Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự(sửa đổi bổ sung năm 2025); Điều 613, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 khoản 3 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế đối với di sản của cụ [Võ Thị L](#). Xác định số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng) là di sản của cụ [Võ Thị L](#).

Chia di sản thừa kế của cụ [Võ Thị L](#) để lại thành 06 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), cụ thể: Ông [Nguyễn Văn T](#), bà [Nguyễn Thị Thanh V](#), bà [Nguyễn Thị H](#), [Nguyễn Thị H1](#), [Nguyễn Thị H2](#) mỗi người được hưởng 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Chị [Nguyễn Thị N1](#), [Nguyễn Thị N2](#), [Nguyễn Thị T1](#), mỗi người được hưởng 1/3 kỷ phần là 66.666.667đ (Sáu mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu bảy đồng).

Ông [Nguyễn Văn T](#) có trách nhiệm đưa lại cho các đồng thừa kế số tiền mà họ được hưởng hiện ông [T](#) đang cất giữ.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố ngày 30/5/2025 của bị đơn ông [Nguyễn Văn T](#) về việc không đồng ý chia số tiền di sản thừa kế và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Về án phí:

Bà [Nguyễn Thị Thanh V](#) và ông [Nguyễn Văn T](#) thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho bà [Nguyễn Thị Thanh V](#) 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008496 ngày 13/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

Bà [Nguyễn Thị H](#), [Nguyễn Thị H1](#), [Nguyễn Thị H2](#) mỗi người phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí đối với giá trị tài sản được hưởng.

Chị [Nguyễn Thị N1](#), [Nguyễn Thị N2](#), [Nguyễn Thị T1](#) mỗi người phải chịu 3.333.333đ (Ba triệu, ba trăm ba ba ngàn, ba trăm ba ba đồng) án phí đối với giá trị tài sản được hưởng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông [Trần Ngọc B](#) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo và quan điểm không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện. Nguyên đơn, bị đơn không bổ sung chứng cứ, tài liệu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự, phân tích, đánh giá nội dung vụ việc đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015 không chấp nhận đơn kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo điều 26 BLTTDS và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, khoản 1 điều 39 BLTTDS

[1.2]. Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật

[2]. Về đơn kháng cáo: Xét kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông [Trần Ngọc B](#) nằm trong hạn luật định, nên được xem xét.

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền ông [Trần Ngọc B.](#)

Cụ ông [Nguyễn Trọng H4](#) (chết năm 2005), cụ bà [Võ Thị L](#) (chết năm 2022). Ngày 25/4/2025, bà [Nguyễn Thị Thanh V](#) là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ [H4](#) và cụ [L](#) khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, di sản là tiền. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

- Về di sản thừa kế:

Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 43; địa chỉ tại [tổ dân phố B, phường K, thị xã K \(nay là phường V, tỉnh Hà Tĩnh\)](#) theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CH00644 do [UBND thị xã K](#), tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 04/5/2017 được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho cụ [Võ Thị L](#) năm 2017 (thời điểm sau khi cụ ông [Võ Trọng H6](#) chết 12 năm), tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã xác lập là tài sản riêng của cụ [Võ Thị L](#) nên cụ [Võ Thị L](#) có quyền sở hữu và định đoạt. Năm 2021 cụ [Võ Thị L](#) và các hàng thừa kế của cụ [H6](#) đã thống nhất và chuyển nhượng một phần thửa đất số 25, tờ bản đồ số 43, địa chỉ thửa đất ở [tổ dân phố B, phường K, thị xã K \(nay là phường V, tỉnh Hà Tĩnh\)](#) theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CH00644 do [UBND thị xã K](#), tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 04/5/2017, mang tên cụ [Võ Thị L](#) với số tiền 1.612.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận khoản tiền trên do đó căn cứ Điều 92 BLTTDS đây là tình tiết không phải chứng minh.

- Về hàng thừa kế:

Cụ [Võ Thị L](#) và cụ [Nguyễn Trọng H4](#) có 06 người con chung gồm bà [Nguyễn Thị Thanh V](#), [Nguyễn Thị H](#), [Nguyễn Thị H2](#), [Nguyễn Thị H1](#), [Nguyễn Văn T](#) và ông [Nguyễn Trọng D](#) (ông [D](#) chết năm 2021, có vợ là bà [Mai Thị S](#) và 03 người con [Nguyễn Thị N1](#), [Nguyễn Thị N2](#), [Nguyễn Thị T1](#)), không có con riêng và không nhận ai làm con nuôi. Cha mẹ đẻ đã chết từ lâu (chết trước cụ [H4](#) và cụ [L](#)). Cụ [L](#) chết không để lại di chúc, ông [Nguyễn Trọng D](#) là con đẻ chết trước cụ [L](#) (chết năm 2021).

Theo quy định tại Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của cụ [Võ Thị L](#) gồm: [Nguyễn Thị Thanh V](#), [Nguyễn Thị H](#), [Nguyễn Thị H2](#), [Nguyễn Thị H1](#), [Nguyễn Văn T](#). Do ông [Nguyễn Trọng D](#) chết trước cụ [Võ Thị L](#) nên những người con của ông [D](#) được thừa kế thế vị phần di sản mà ông [Nguyễn Trọng D](#) được hưởng nếu ông [D](#) còn sống. Do đó, 03 người con của ông [Nguyễn Trọng D](#) là [Nguyễn Thị N1](#), [Nguyễn Thị N2](#), [Nguyễn Thị T1](#) được thừa kế thế vị hưởng phần di sản. Như vậy, những người thừa kế theo pháp luật của cụ [L](#) gồm: [Nguyễn Thị Thanh V](#), [Nguyễn Văn T](#), [Nguyễn Thị H](#), [Nguyễn Thị H2](#), [Nguyễn Thị H1](#) và đồng thừa kế thế vị [Nguyễn Thị N1](#), [Nguyễn Thị N2](#), [Nguyễn Thị Tuyết](#).

-Về phân chia di sản thừa kế:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác nhận số tiền 1.612.000.000đồng có được từ việc cụ [L](#) việc bán một phần thửa đất số 25, tờ bản

đồ số 43, địa chỉ thửa đất ở tổ dân phố B, phường K, thị xã K (nay là phường V, tỉnh Hà Tĩnh) theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CH00644 do UBND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 04/5/2017, mang tên cụ Võ Thị L. Sau khi cụ Võ Thị L bán đất được 1.612.000.000đồng thì cụ L đã giao lại số tiền này cho con trai là ông Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng vào việc chăm sóc, nuôi dưỡng cụ L khi còn sống và lo các công việc phát sinh khi cụ L qua đời. Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T trình bày đã sử dụng một phần số tiền trên vào việc làm nhà cho cụ L về ở, chăm sóc, mua sắm trang thiết bị trong nhà khi cụ L còn sống, lo ma chay, đám giỗ, làm mộ cho cụ L, khi sử dụng số tiền bán đất của cụ L, ông T chưa hỏi ý kiến của các đồng thừa kế nhưng cũng không có ai phản đối. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn T không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho những khoản tiền mà ông đã sử dụng do ông không ghi chép lại.

Xét thấy, ngoài ông Nguyễn Trọng D (đã chết năm 2021) thì chỉ có ông Nguyễn Văn T là con trai cả trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đứng ra lo mọi công việc cho cụ L khi cụ L còn sống, kể cả sau khi cụ L qua đời là việc làm cần thiết, phù hợp với đạo lý và tập quán địa phương, việc ông T sử dụng số tiền vào các mục đích trên là có cơ sở cần được xem xét.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ biên bản tiếp công dân của UBND phường K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 16/01/2025 để xác định tổng số tiền ông T kê khai các khoản chi phí gồm: Phí giấy tờ bán đất, chi phí làm nhà cho cụ L trên đất ông T, tiền nuôi bà khi bà già yếu và chi phí làm 50 ngày, 100 ngày, giỗ đầu, hết khó, làm mộ 03 cái với tổng số tiền là 412.000.000đ (Bốn trăm mười hai triệu đồng) từ đó căn cứ chấp nhận số tiền ông T đã chi tiêu vào việc chung là 412.000.000đ là chưa có căn cứ vì văn bản này ông T không ký vào. Trước đó tại biên bản tiếp công dân tháng 12/2024 ông T đã trình bày số tiền ông chi phí khi cụ L còn sống nhiều hơn. Tuy vậy biên bản tiếp công dân có sự có mặt của các đồng thừa kế và ông T, thư ký ghi biên bản cũng không tự viết ra các hạng mục ông T đã chi phí như chi phí xây mộ, làm đám giỗ và đám ma chay cho cụ L. Tại cấp phúc thẩm bị đơn không xuất trình được chứng cứ mới chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình tuy nhiên đối với phần chi phí chăm sóc nuôi dưỡng cụ L cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận cho ông T 30 triệu trong thời gian cụ L về sống cùng là chưa phù hợp với chi phí chăm sóc ăn uống thuốc thang của một người già tại địa phương. Vì vậy cấp phúc thẩm cần sửa án sơ thẩm nội dung này, cần chấp nhận tiền sinh hoạt chăm sóc nuôi dưỡng và tiền công chăm sóc cụ L mỗi tháng 10 triệu đồng x 12 tháng = 120.000.000đ là phù hợp. Tổng cộng số tiền chi phí của bị đơn chấp nhận tính cho ông T là 504.000.000đ (trong đó tiền chăm sóc cụ L 120 triệu còn các khoản khác giữ nguyên như bản án sơ thẩm).

Như vậy di sản của cụ L được tính còn lại như sau: 1.612.000đ- 504.000.000đ = 1.108.000.000đ.

Kỷ phần thừa kế được chia cụ thể: 1.108.000.000đ / 6 thừa kế = 184.600.000đ/1 suất thừa kế

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh V, bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2 và các đồng thừa kế thế vị Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị

[N2](#), [Nguyễn Thị T1](#); mỗi phần thừa kế được hưởng 1/6 phần di sản thừa kế của cụ [Võ Thị L](#) để lại là 1.108.000.000đ. Số tiền mỗi đồng thừa kế được nhận là: $1.108.000.000đ / 6 \text{ thừa kế} = 184.600.000đ/1$ suất thừa kế, mỗi đồng thừa kế thế vị được hưởng 1/3 phần thừa kế được nhận là: $184.600.000đ : 3 = 61.500.000đ$

Ông [Nguyễn Văn T](#) có trách nhiệm đưa lại cho các đồng thừa kế số tiền mà họ được hưởng hiện ông [T](#) đang cất giữ theo kỹ phần trên.

[3] Về án phí: Bị đơn được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự(sửa đổi bổ sung năm 2025); Điều 613, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 khoản 3 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế đối với di sản của cụ [Võ Thị L](#). Xác định số tiền 1.108.000.000đ (Một tỷ một trăm linh tám triệu đồng) là di sản của cụ [Võ Thị L](#).

Chia di sản thừa kế của cụ [Võ Thị L](#) để lại thành 06 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng là 184.600.000đ (một trăm tám mươi triệu sáu trăm nghìn đồng), cụ thể: Ông [Nguyễn Văn T](#), bà [Nguyễn Thị Thanh V](#), bà [Nguyễn Thị H](#), [Nguyễn Thị H1](#), [Nguyễn Thị H2](#) mỗi người được hưởng 184.600.000đ (một trăm tám mươi triệu sáu trăm nghìn đồng), Chị [Nguyễn Thị N1](#), [Nguyễn Thị N2](#), [Nguyễn Thị T1](#), mỗi người được hưởng 1/3 kỷ phần là 61.500.000đ (Sáu mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ông [Nguyễn Văn T](#) có trách nhiệm đưa lại cho các đồng thừa kế số tiền mà họ được hưởng hiện ông [T](#) đang cất giữ.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố ngày 30/5/2025 của bị đơn ông [Nguyễn Văn T](#) về việc không đồng ý chia số tiền di sản thừa kế và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà [Nguyễn Thị Thanh V](#) và ông [Nguyễn Văn T](#) thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho bà [Nguyễn Thị Thanh V](#) 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008496 ngày 13/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

Bà [Nguyễn Thị H](#), [Nguyễn Thị H1](#), [Nguyễn Thị H2](#) mỗi người phải chịu 9.230.000 đồng (chín triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) án phí đối với giá trị tài sản được hưởng.

Chị [Nguyễn Thị N1](#), [Nguyễn Thị N2](#), [Nguyễn Thị T1](#) mỗi người phải chịu 3.075.000đ (Ba triệu không trăm bảy lăm nghìn đồng) án phí đối với giá trị tài sản được hưởng.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn ông [Nguyễn Văn T](#) miễn án phí dân sự phúc thẩm.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. (Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm - TAND tối cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND, VKSND khu vực 2;
- Cục THA.DS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu